

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 01 năm 2022

*V/v tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2021/QĐXX-ST ngày 01/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2021 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị Q, sinh năm 1974

- **Bị đơn:** Anh Bùi Duy D, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị Q có mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Trịnh Thị Q có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn D do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/01/1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng hòa thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D không tu chí làm ăn, từng phải đi chấp hành án về tội đánh bạc. Chị đã khuyên giải nhiều lần

nhưng anh D không sửa đổi. Vợ chồng không sống ly thân nhưng ít quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị Q trình bày, vợ chồng có 03 con chung là Bùi Duy Kh, sinh ngày 29/3/1996, Bùi Duy Ng, sinh ngày 05/11/1999 và Bùi Duy Ch, sinh ngày 05/11/1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, bị đơn là anh Bùi Duy D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình ở Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống giữa vợ chồng cũng có vài lần chị Q đòi ly hôn sau đó lại thôi. Anh D cho rằng anh và chị Q vẫn hòa thuận, hạnh phúc và không sống ly thân. Nay chị Q xin ly hôn anh không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn và con cái còn chưa xây dựng gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Duy Kh, Bùi Duy Ng và Bùi Duy Ch đúng như chị Q trình bày. Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

**- Tại biên bản xác minh với cơ sở Thôn H, xã A, huyện Q thể hiện:** Chị Trịnh Thị Q và anh Bùi Duy D là vợ chồng hợp pháp, chung sống tại thôn H kể từ khi kết hôn đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi cự, to tiếng với nhau nhưng chưa cần đến sự can thiệp của cơ sở thôn và chính quyền địa phương. Nay chị Q xin ly hôn anh D, cơ sở thôn đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Duy Kh, sinh năm 1996, Bùi Duy Ng và Bùi Duy Ch cùng sinh năm 1999 (sinh đôi), các con chung đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, không bị mắc bệnh ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Về tài sản chung, nợ chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

**- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Xử cho chị Trịnh Thị Q được ly hôn anh Bùi Duy D; về con chung và tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly

hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Q, anh D là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Bùi Duy D có mặt tại địa phương nhưng không đến tham gia phiên tòa. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đến phiên tòa nhiều lần cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung của vợ chồng, vì vậy Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Q, anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung, thiếu sự chia sẻ, cảm thông với nhau. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên để hai bên đoàn tụ song không có kết quả. Chị Q kiên quyết đề nghị giải quyết ly hôn, anh D không đồng ý nhưng không đưa ra được biện pháp nào hữu hiệu để hóa giải mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị Q, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Q được ly hôn anh D là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Duy Kh, sinh ngày 29/3/1996, Bùi Duy Ng và Bùi Duy Ch cùng sinh ngày 05/11/1999. Xét các con chung đều đã trên 18 tuổi, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên không đặt ra giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q, anh D đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Q được ly hôn anh Bùi Duy D.
2. Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.
3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ với tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004490 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Trịnh Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/01/2022). Anh Bùi Duy D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, h. Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Phụng**